



Review Article

City-regional Governance in Vietnam post Reorganization of the Political System's Apparatus: Analysis of Prospects, Challenges and Future Research Agenda

Le Minh Son¹, Bui Kieu Anh², Nguyen Thi Minh Chau^{1,*}

¹*VNU School of Interdisciplinary Sciences and Arts, 144 Xuan Thuy, Cau Giay, Hanoi, Vietnam*

²*Hanoi Institute for Socio-Economic Development Studies, Hanoi People's Committee,
159 To Hieu, Nghia Do, Hanoi, Vietnam*

Received 11th December 2025

Revised 28th May 2026; Accepted 10th June 2026

Abstract: This article systematizes the understanding and governance of city regions in Vietnam and discusses the prospects and challenges in the context after the reorganization of the political system's apparatus in 2025. The research utilizes an abductive analysis of policy documents on urban development, and case studies of Hanoi Metropolitan Area and Ho Chi Minh City Metropolitan Area. The discussion results show that the most favorable conditions are progressive thinking and determination in both administrative reform, governance in general and territorial development planning in particular - especially when the reshaping of development space is identified as the lever to drive economic breakthroughs in the coming period. However, there are still major challenges: i) limited and inconsistent understanding of city regions in Vietnam, and ii) impacts on city region governance mechanisms that may lead to overlapping regional identification, and pressure to innovate leadership capacity for local authorities. The article's discussions contribute to clarifying some theoretical and practical issues about city-regions in Vietnam - an urban form that has been receiving much attention in policy, and hopefully will encourage community participation in understanding and building city-regions/metropolitan areas in Vietnam in the future.

Keywords: City-region, governance, metropolitan area, political system, reorganization.

* Corresponding author.

E-mail address: minhchaunt@vnu.edu.vn

<https://doi.org/10.25073/2588-1116/vnupam.4601>

Quản trị vùng thành phố ở Việt Nam sau sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị: Một số phân tích về triển vọng, thách thức và gợi mở hướng nghiên cứu tương lai

Lê Minh Sơn¹, Bùi Kiều Anh², Nguyễn Thị Minh Châu^{1,*}

¹*Trường Khoa học liên ngành và Nghệ thuật, Đại học Quốc gia Hà Nội,*

144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam

²*Viện Nghiên cứu phát triển kinh tế - xã hội Hà Nội, Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội,*

159 Tô Hiệu, Nghĩa Đô, Hà Nội, Việt Nam

Nhận ngày 11 tháng 12 năm 2025

Chỉnh sửa ngày 28 tháng 5 năm 2026; Chấp nhận đăng ngày 10 tháng 6 năm 2026

Tóm tắt: Bài viết hệ thống lại cách hiểu và cách thức quản trị vùng thành phố ở Việt Nam và bàn luận một số triển vọng, thách thức trong bối cảnh sau sắp xếp bộ máy của hệ thống chính trị năm 2025. Nghiên cứu sử dụng phương pháp phân tích quy nạp (*abductive analysis*) các văn bản chính sách về phát triển đô thị, và nghiên cứu hai trường hợp điển hình Vùng đô thị Hà Nội và Vùng đô thị Thành phố Hồ Chí Minh. Kết quả nghiên cứu cho rằng điều kiện thuận lợi nhất là tư duy tiến bộ và quyết tâm thời đại trong cả cải cách hành chính, quản trị nói chung và quy hoạch phát triển lãnh thổ nói riêng - nhất là khi việc tái định hình không gian phát triển được xác định là đòn bẩy đưa nền kinh tế bứt phá trong giai đoạn tới. Song vẫn còn những thách thức lớn là: i) Cách hiểu còn hạn chế và chưa thống nhất về vùng thành phố ở Việt Nam; và ii) Những tác động đến các cơ chế quản trị vùng thành phố có thể dẫn đến việc nhận dạng vùng chồng chéo, và áp lực đổi mới tư duy, năng lực lãnh đạo với chính quyền địa phương. Những bàn luận của bài viết góp phần làm rõ một số vấn đề lý luận và thực tiễn về vùng thành phố ở Việt Nam - hình thái đô thị đã và đang nhận được nhiều sự quan tâm trong chính sách, và hi vọng rằng sẽ khuyến khích sự tham gia tìm hiểu, xây dựng của cộng đồng về vùng thành phố/vùng đô thị ở Việt Nam trong tương lai.

Từ khóa: Cải cách, hệ thống chính trị, quản trị, sắp xếp, vùng đô thị, vùng thành phố.

1. Mở đầu

Gần đây, khái niệm “vùng thành phố” (hay “vùng đô thị”) đã trở nên phổ biến hơn trong một số chủ trương, chính sách lớn ở Việt Nam. Nhất là từ khi Ban Chấp hành Trung ương Đảng ban hành Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 về Quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 [1] (sau đây là “Nghị quyết

số 06 năm 2022”), trong đó có nhiều nhiệm vụ trực tiếp tới vùng thành phố. Quy hoạch tổng thể quốc gia giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Quốc hội phê duyệt năm 2023 [2], cập nhật điều chỉnh năm 2025 [3], nêu rõ định hướng thành lập bốn vùng đô thị lớn là Vùng đô thị Hà Nội, Vùng đô thị Thành phố Hồ Chí Minh, Vùng đô thị Đà Nẵng - Huế và Vùng đô thị Cần Thơ. Quy hoạch chung đô thị và nông thôn giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 [4] đã

* Tác giả liên hệ.

Địa chỉ email: minhchaunt@vnu.edu.vn

<https://doi.org/10.25073/2588-1116/vnupam.4601>

xác định rõ hơn ranh giới hành chính cho các vùng đô thị được quy hoạch này. Đồng thời, một trong những thay đổi nổi bật nhất của Việt Nam gần đây là công cuộc sắp xếp tổ chức bộ máy hành chính, đi vào hoạt động từ ngày 01/07/2025. Tính chất và ý nghĩa của toàn bộ cuộc cải cách hành chính là rất quan trọng, đặc biệt là việc chuyển đổi từ hệ thống chính quyền địa phương ba cấp đã tồn tại trong 80 năm kể từ khi thành lập nước sang hệ thống hai cấp (Báo Điện tử Chính phủ [5]). Một trong những lý do quan trọng nhất cho cuộc cải cách, như Tổng Bí thư Tô Lâm [6] đã khẳng định là để khắc phục triệt để tình trạng chồng chéo chức năng, thẩm quyền, chia cắt về địa bàn, lĩnh vực giữa các cơ quan cũng như giữa chính quyền trung ương và địa phương, đồng thời thúc đẩy phân cấp, phân quyền mạnh mẽ hơn.

Có thể nói, Đảng và Nhà nước đã thể hiện quyết tâm rất cao để tái định hình không gian phát triển quốc gia, với kì vọng không gian phát triển mới đặt nền tảng quan trọng để đưa đất nước bứt phá lên vị thế thu nhập cao, hướng tới hoàn thành “hai mục tiêu 100 năm”: đưa Việt Nam trở thành một nước đang phát triển có thu nhập trung bình cao vào năm 2030; và trở thành một nước xã hội chủ nghĩa phát triển có thu nhập cao vào năm 2045. Trong số nhiều khái niệm khác cũng đã chính thức xuất hiện trong các văn bản này, chẳng hạn như “lãnh thổ đầu tàu”, “trung tâm phát triển”, “lãnh thổ trọng điểm”, “mũi nhọn tăng trưởng”, “hạt nhân tăng trưởng”, “vùng trọng điểm”,... vùng thành phố vẫn là hình thái có định hướng phát triển cụ thể và rõ ràng nhất, được kế thừa từ giai đoạn trước và tiếp tục khẳng định trong giai đoạn mới.

Đây là bối cảnh làm cơ sở cho mục tiêu của bài viết này: điểm lại quá trình quản trị và phát triển các vùng thành phố ở Việt Nam và bàn luận về các triển vọng, thách thức về quản trị vùng thành phố trong bối cảnh sắp xếp bộ máy, sáp nhập tỉnh, thành hiện nay. Bởi công tác sắp xếp tổ chức bộ máy hành chính của hệ thống chính trị đi cùng việc thay đổi, điều chỉnh nhiều chính sách lớn trong thời gian tới (để thống nhất với Nghị quyết số 203/2025/QH15 về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp nước

CHXHCNVN), và bởi nghiên cứu về vùng thành phố/vùng đô thị cũng là lĩnh vực tương đối mới ở trong nước, cách tiếp cận của nhóm tác giả chú trọng tính thực dụng và bối cảnh thực tế, thay vì xây dựng hay áp dụng một khung lý thuyết nhất định để phân tích cho trường hợp của Việt Nam, mà như nhà nghiên cứu Creswell [7] gọi là góc nhìn thực tế về thế giới (*pragmatic worldview*). Song việc ưu tiên phân tích thực tiễn không có nghĩa là nghiên cứu này xa rời với lý thuyết. Cấu trúc bài viết mở đầu với tổng quan một số lý luận cơ bản về quản trị vùng thành phố (phần 2), trên cơ sở đó phân tích về khung pháp lý, cơ chế triển khai quản trị vùng thành phố ở Việt Nam (phần 3), và thảo luận về những thuận lợi, thách thức đối với quản trị vùng thành phố và gợi mở một số hướng nghiên cứu trong tương lai (phần 4).

Dù ở nhiều nghiên cứu trên thế giới, cách dùng ‘vùng thành phố’ (*city-region*) hay ‘vùng đô thị’ (*metropolitan area*) thường được dùng có tính hoán đổi cho nhau; thuật ngữ ‘vùng thành phố’ được ưu tiên sử dụng xuyên suốt để đảm bảo tính thống nhất. Cách dùng này cũng bao hàm cả ý nghĩa hành chính trong đó, phản ánh phù hợp thực tiễn tại Việt Nam: các chính sách quản lý, quản trị được xây dựng và triển khai luôn gắn liền với các ranh giới hành chính cụ thể - trong trường hợp này là thành phố hạt nhân và các tỉnh liên kề. Cách dùng ‘vùng đô thị’ được đề cập chỉ với các tên riêng cụ thể, sẽ làm rõ ở các phần sau.

2. Tổng quan tình hình nghiên cứu

Những thách thức phát triển ở bất kỳ cấp độ lãnh thổ nào cũng đều gắn kết mật thiết với quản lý quá trình phát triển, phân bổ nguồn lực để khai thác hiệu quả tiềm năng phát triển ở cấp độ lãnh thổ đó. Trên thế giới, định nghĩa về quản trị gắn với phát triển lãnh thổ (*governance*) hay quản trị tốt (*good governance*) được các tổ chức quốc tế khởi xướng và định nghĩa. Thí dụ, gần công tác quản trị với phát triển con người, Chương trình phát triển của Liên Hợp Quốc định nghĩa quản trị là “việc thực thi quyền lực kinh tế, chính trị và hành chính để quản lý các vấn đề của một quốc gia ở mọi cấp độ,... mà thông qua đó công

dân và các nhóm thể hiện lợi ích của mình, thực hiện các quyền hợp pháp, đáp ứng các nghĩa vụ và hòa giải những khác biệt của họ” [8]. UNDP tiếp tục định nghĩa rằng ‘quản trị tốt’ gồm có chín đặc điểm cơ bản¹. Ở góc nhìn gắn quản trị với kết quả sử dụng nguồn lực, Ngân hàng Phát triển Châu Á định nghĩa cách hiểu về quản trị là “cách thức vận hành quyền lực trong quản lý các nguồn lực về kinh tế và xã hội của một quốc gia cho phát triển” [9]. Thay vì chỉ ra quản trị tốt, Ngân hàng Thế giới [10] chỉ ra một số thông lệ về quản trị yếu kém (*poor governance*)²; và thậm chí còn xây dựng một bộ chỉ số nhằm lượng hóa năng lực quản trị của các quốc gia trên thế giới [11].

Quản trị ở cấp độ vùng thành phố là một vấn đề tương đối mới, hiện đang được nhiều học giả thảo luận và nghiên cứu. Hầu hết các học giả đều nhấn mạnh sự cần thiết của quản trị phát triển đô thị từ nhiều góc độ khác nhau và mối quan hệ tương đối giữa chính phủ trung ương và chính quyền vùng thành phố. Góc nhìn “từ trên xuống” xem sự hình thành và phát triển các vùng thành phố như một phản ứng trước những thay đổi kinh tế, xã hội, chính trị gắn với quá trình toàn cầu hóa gia tăng (Harding [12]; Scott và Storper [13]; Scott [14]). Với toàn cầu hóa, các rào cản thương mại và đầu tư được giảm thiểu, các thành phố và vùng dần trở thành những chủ thể tích cực, trực tiếp trong nền kinh tế thế giới (Scott [14]). Các thành phố lớn có lợi thế trong việc thu hút các nguồn lực phát triển mới này và do đó trở thành các vùng đô thị lớn hơn. Bản thân các vùng thành phố phải đối mặt với hai lựa chọn: hoặc là chịu sự chi phối thụ động của sức ép cạnh tranh xuyên biên giới bên ngoài hoặc chủ động hoạch định chính sách, xây dựng thể chế để tận dụng tối đa lợi thế phát triển từ toàn cầu hóa.

Một số học giả lại cho rằng sự hình thành và phát triển của các vùng thành phố còn phụ thuộc vào rất nhiều các yếu tố đa chiều về đặc điểm kinh tế, văn hóa, môi trường và chính trị đặc

trung cho từng khu vực khác nhau trên thế giới (Jonas và Ward [15]). Góc nhìn “từ dưới lên” nhìn nhận các thành phố là đơn vị kinh tế chính về sản xuất, thương mại và tạo ra của cải (Gras, [16], Jacobs, [17]) và do đó, mối liên hệ chặt chẽ giữa thành phố trung tâm và lãnh thổ xung quanh có thể được coi là một hiện tượng phổ biến xảy ra ở nhiều nơi trên thế giới. Nói cách khác, sự tồn tại và phát triển của một thành phố về cơ bản được định hình bởi các hoạt động kinh tế - xã hội tập thể, và quá trình ra quyết định đồng thời của mọi cư dân đô thị. Khi thành phố phát triển, các lực đẩy và kéo liên tục của việc tập trung hóa và phân tán hóa diễn ra, với lợi ích thường cao hơn chi phí đô thị hóa, dẫn đến sự mở rộng dần ra bên ngoài của thành phố vào vùng ngoại ô. Kloosterman và Musterd [18] gọi đây là “sự phân tán của sự tập trung”: các trung tâm thành phố truyền thống vẫn quan trọng, nhưng không còn là điểm phục vụ duy nhất cho các hoạt động kinh tế, các chức năng của thành phố trung tâm trở nên phân tán trong khu vực đô thị, nhưng đồng thời lại được tập trung lại tại các điểm cụ thể trong khu vực rộng lớn hơn. Sự hình thành các vùng đô thị là quá trình phân tán kinh tế từ thành phố trung tâm ra vùng ngoại vi và tập trung lại tại các điểm nút bên trong đó. Quan điểm này cho thấy vai trò tích cực hơn của chính phủ trung ương: vai trò của nhà nước chuyển từ việc thiết kế và thực hiện các chiến lược, chính sách phát triển sang vai trò khởi xướng, tạo điều kiện và hỗ trợ xây dựng năng lực.

Trong các nền kinh tế đang phát triển, các nghiên cứu đồng thuận rằng các vùng đô thị là động lực quan trọng cho nền kinh tế quốc gia (Ch'oe và Laquian [19], Scott và Storper [13]). Khi Việt Nam trở thành thành viên chính thức của Tổ chức Thương mại Thế giới vào năm 2008 và dần mở cửa nền kinh tế, dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam cùng quá trình đô thị hóa mạnh mẽ đã mang lại những thay đổi

¹ (1) Sự tham gia (*participation*), (2) Nhà nước pháp quyền (*rule of law*), (3) Minh bạch (*transparency*), (4) Sự phản hồi (*responsiveness*), (5) Định hướng đồng thuận (*consensus orientation*), (6) Công bằng (*equity*), (7) Hiệu quả và hiệu lực (*effectiveness and efficiency*), (8) Trách nhiệm (*accountability*), (9) Tầm nhìn chiến lược (*strategic vision*).

² (1) Thất bại trong việc phân biệt rõ ràng giữa cái gì là công cộng và cái gì là tư hữu, (2) Không thiết lập được một khuôn khổ pháp luật và hành vi quản lý nhà nước có thể dự đoán được, (3) Quá nhiều các quy tắc, quy định, cản trở hoạt động của thị trường, (4) Các ưu tiên không phù hợp dẫn đến việc phân bổ nguồn lực sai lệch và (5) Quyết định dựa trên cơ sở quá hẹp hoặc thiếu minh bạch.

nhánh chóng ở nhiều thành phố Việt Nam (Ngân hàng Thế giới [20]), quá trình mở rộng ảnh hưởng của các thành phố lớn trong nước dường như tuân theo quá trình vận động theo góc nhìn thứ nhất. Song, không thể phủ nhận vai trò tham gia, giám sát của nhà nước rất rõ ràng ở Việt Nam, thí dụ như sự chỉ đạo, giám sát hệ thống phân loại đô thị - và từ đó là việc phân bổ ngân sách trung ương - địa phương từ năm 2001 đến nay [20]. Tuy nhiên, tài liệu nghiên cứu về vùng thành phố ở Việt Nam còn khá khiêm tốn, đặc biệt là so với các nghiên cứu ở cấp độ lãnh thổ khác. Các nghiên cứu đáng chú ý bao gồm công trình của Auriac và Vũ Chí Đồng [21] sử dụng hình minh họa bong bóng để thể hiện tầm ảnh hưởng của các thành phố ở Việt Nam hoặc các báo cáo của Ngân hàng Thế giới tại Việt Nam [20] nhìn chung xem xét hệ thống đô thị như một tổng thể, tập trung vào Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh như những thành phố trọng điểm.

Ở Việt Nam hiện nay, chưa có tài liệu, văn bản pháp luật nào trực tiếp đưa ra định nghĩa cụ thể cho vùng thành phố. Vùng Thủ đô Hà Nội được định nghĩa là “khu vực liên kết phát triển kinh tế - xã hội gồm thành phố Hà Nội và một số tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương lân cận do Chính phủ quyết định” (theo khoản 3, Điều 3, Luật Thủ đô 2024). Nguyễn Mạnh Quyền [22] có định nghĩa Vùng Thủ đô là “vùng đô thị đa cực được hình thành thông qua sự liên kết không gian giữa thủ đô và các tỉnh, thành phố xung quanh thủ đô”. Nguyễn Hữu Đoàn [23] đã định nghĩa vùng thành phố là “không gian bao gồm nhiều đô thị có mối quan hệ tương tác với nhau”. Những định nghĩa này chủ yếu dựa trên ranh giới hành chính được xác định sẵn. Trong nghiên cứu của Lê Minh Sơn [24] nghiên cứu về vùng đô thị đã đưa ra khái niệm cụ thể là “vùng lãnh thổ tích hợp bao gồm hai bộ phận cấu thành riêng biệt nhưng có kết nối và tương tác với nhau qua các mối quan hệ chức năng ổn định, thường xuyên và hàng ngày về kinh tế, văn hoá, xã hội và môi trường sinh thái, trong đó thành phố trung tâm giữ vai trò dẫn dắt các khu vực lãnh thổ bao quanh, nơi bố trí các đô thị vệ tinh hoặc đối trọng chịu sự ảnh hưởng của thành phố trung tâm cùng phát triển”. Điềm chung trong các định nghĩa kê

trên khi mô tả về vùng thành phố/vùng đô thị là nhìn nhận tổ chức không gian của vùng đô thị với hai cấu thành riêng biệt là đô thị trung tâm và vùng lãnh thổ ngoại vi liên kết với các quan hệ kinh tế - xã hội mật thiết. Kế thừa định nghĩa này, và cách hiểu về quản trị tham khảo của một số tổ chức quốc tế, nhóm tác giả đưa ra cách hiểu riêng về quản trị vùng thành phố là “*cơ chế phối hợp đa cấp và liên kết giữa các chủ thể nhà nước, tư nhân và người dân, nhằm điều phối các nguồn lực và giải quyết các vấn đề chung trên một không gian kinh tế - xã hội thống nhất ở cấp độ vùng thành phố*”.

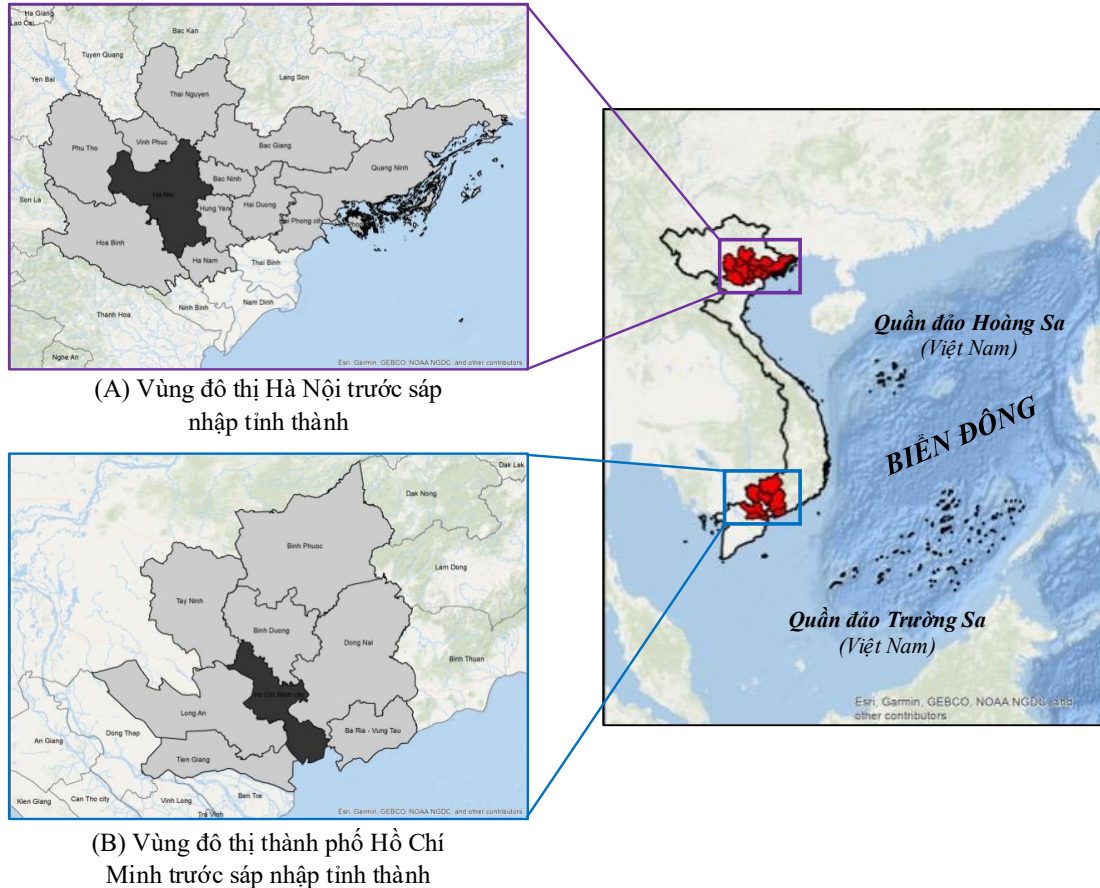
3. Khung pháp lý và cơ chế quản trị vùng thành phố ở Việt Nam

Phân tích các văn bản chính sách lớn về phát triển đô thị (Phụ lục A) cho thấy mặc dù không có định nghĩa chính thức về vùng thành phố, nhưng một số văn bản cũng đã xác định cụ thể ranh giới của vùng thành phố tại Việt Nam, tiêu biểu là Vùng Thủ đô Hà Nội và Vùng Thành phố Hồ Chí Minh. Mặt khác, các chính sách liên quan đến phát triển vùng thành phố lại khá hạn chế, chủ yếu dừng ở việc thành lập chính thức các vùng thành phố này và thành lập các cơ cấu quản trị cụ thể - hiện mới có và áp dụng cho Vùng Thủ đô Hà Nội.

Có hai cơ chế chính trong quản trị vùng thành phố ở Việt Nam. Cơ chế thứ nhất là thông qua việc ban hành các quyết định thành lập ‘quy hoạch xây dựng’ vùng thành phố. Thông thường, một thành phố lớn được chọn làm trung tâm và các địa phương lân cận được xác định là lãnh thổ ngoại vi, ranh giới tổng thể của tất cả các tỉnh lân cận thành phố trung tâm tạo thành ranh giới vùng thành phố. Thí dụ, vào năm 2008, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành quyết định phê duyệt quy hoạch xây dựng Vùng Thành phố Hồ Chí Minh bao gồm thành phố Hồ Chí Minh và bảy tỉnh lân cận: Bình Dương, Đồng Nai, Bà Rịa - Vũng Tàu, Tây Ninh, Bình Phước, Long An, Tiền Giang. Tương tự, vào tháng 05/2008, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành quyết định phê duyệt quy hoạch xây dựng Vùng Thủ đô Hà Nội bao gồm Hà Nội

và 07 tỉnh lân cận: Hà Tây, Vĩnh Phúc, Hưng Yên, Bắc Ninh, Hải Dương, Hà Nam và Hòa Bình. Quy hoạch chung đô thị và nông thôn giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 [4] điều chỉnh tên Vùng Thủ đô Hà Nội và Vùng

Thành phố Hồ Chí Minh lần lượt thành “Vùng đô thị Hà Nội” và “Vùng đô thị Thành phố Hồ Chí Minh”, đồng thời đã xác định rõ hơn ranh giới hành chính cho các vùng thành phố này được quy hoạch cũng thông qua cơ chế “cộng dồn”.



Hình 1. Phạm vi, ranh giới Vùng đô thị Hà Nội và Vùng đô thị Thành phố Hồ Chí Minh trước sáp nhập tỉnh thành.

Nguồn: dựng hình bởi nhóm tác giả.

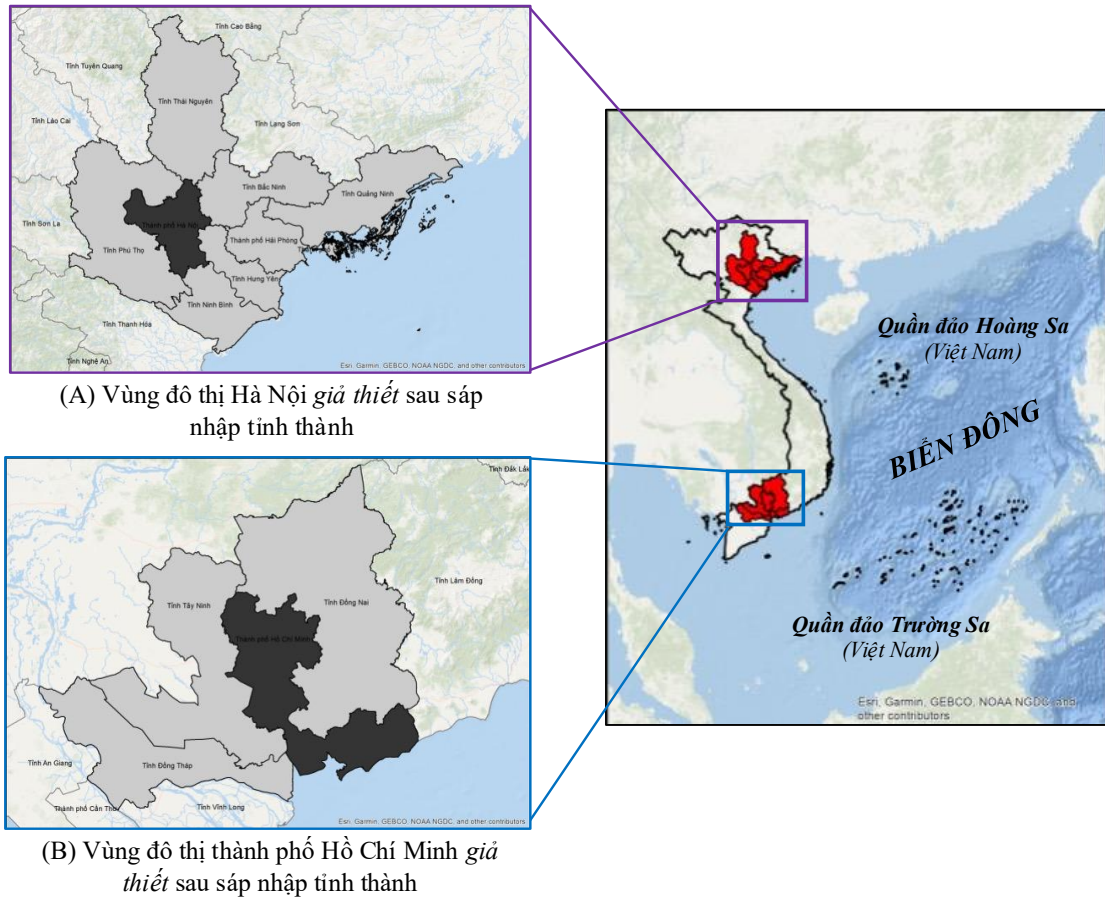
Ghi chú: Thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh có màu thẫm hơn so với các tỉnh khác

Cơ chế thứ hai là thông qua việc xây dựng và triển khai các thiết chế phối hợp, quản trị vùng thành phố do chính quyền trung ương chỉ đạo, theo tìm hiểu của nhóm tác giả, hiện mới có cho Vùng Thủ đô Hà Nội. Năm 2003, một “Ban chỉ đạo quy hoạch và đầu tư xây dựng Vùng Thủ đô Hà Nội” đã được thành lập. Ban Chỉ đạo sau đó được điều chỉnh, thay thế bằng “Hội đồng Điều phối Vùng Thủ đô Hà Nội” vào năm 2022 [25] với vai trò được xác định rõ ràng và tập trung

rộng hơn vào phát triển kinh tế xã hội chung của Vùng Thủ đô Hà Nội. Hội đồng là một cơ quan liên ngành để tham vấn cho Thủ tướng Chính phủ về các vấn đề phát triển tại Vùng Thủ đô Hà Nội. So với Ban Chỉ đạo, cơ cấu điều hành của Hội đồng Điều phối mở rộng ở cả ban quản lý cấp cao và cơ cấu thành viên (Hình 3). Chủ tịch Hội đồng là một Phó Thủ tướng được ủy quyền. Chủ tịch Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội và Bộ trưởng Bộ Xây dựng giữ chức Phó Chủ tịch

và Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư (cũ) giữ chức Phó Chủ tịch thường trực. Các ủy viên cố vấn của Hội đồng bao gồm một thành viên đại diện từ các cơ quan trung ương được lựa chọn và từ mỗi địa phương trong Vùng Thủ đô Hà Nội.

Ngoài ra, cơ cấu thành viên cũng bao gồm hai thành viên từ cộng đồng - đại diện cho các chuyên gia, nhà khoa học và doanh nghiệp trong Vùng Thủ đô Hà Nội. Tổng số thành viên tăng từ 18 (Ban Chỉ đạo) lên 34 (Hội đồng Điều phối).



Hình 2. Phạm vi, ranh giới Vùng đô thị Hà Nội và Vùng đô thị Thành phố Hồ Chí Minh *giả thiết* sau sáp nhập tỉnh thành.

Nguồn: dựng hình bởi nhóm tác giả.

Ghi chú: Thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh có màu thẫm hơn so với các tỉnh khác.

4. Thảo luận về quản trị vùng thành phố trong bối cảnh sau sắp xếp bộ máy của hệ thống chính trị ở Việt Nam

4.1. Triển vọng và thách thức cho quản trị vùng thành phố sau sắp xếp bộ máy của hệ thống chính trị

Việc công nhận và định hướng thành lập các vùng thành phố tại Việt Nam cho thấy quan điểm

của Đảng và Nhà nước Việt Nam rất linh hoạt và cởi mở đối với các hình thái không gian đô thị hiện đại trong bối cảnh phát triển mới của đất nước. Đây cũng là sự chấp thuận quan điểm rằng tăng trưởng không diễn ra đồng thời, đồng đều ở mọi nơi mà tập trung ở các trung tâm tăng trưởng lớn và lan tỏa tới các vùng và nền kinh tế quốc gia (Perroux [26]), mà trước hết là tới khu vực lãnh thổ gần cận trực tiếp các trung tâm tăng trưởng ấy. Công tác sắp xếp tổ chức bộ máy hành

chính năm 2025, bao gồm việc sáp nhập các tỉnh và bãi bỏ cấp đơn vị hành chính cấp huyện, thể hiện quyết tâm tái cấu trúc quan trọng nhất của Việt Nam kể từ khi thống nhất đến nay. Quá trình này tạo ra một bối cảnh mới đặc thù cho quản trị và phát triển vùng thành phố ở Việt Nam mà điều kiện thuận lợi nhất là tư duy đổi mới và quyết tâm thời đại diễn ra trong cả cải cách hành chính và quan điểm hoạch định chính sách quy hoạch lãnh thổ tại Việt Nam.

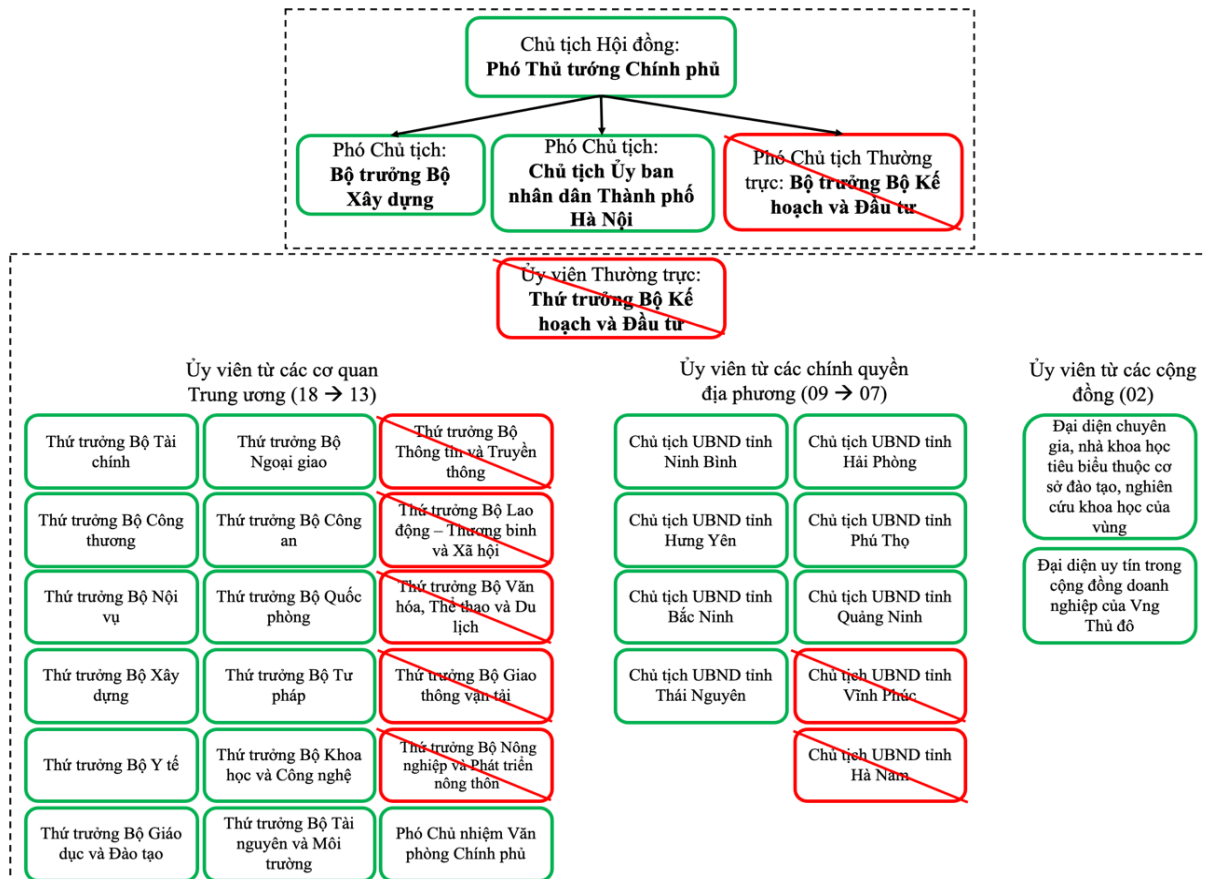
Có thể nói, có hai lý do chính cho sự quan tâm phát triển các vùng thành phố tại Việt Nam hiện nay. Thứ nhất, việc chính thức thừa nhận các vùng thành phố tại Việt Nam cung cấp một ‘cầu nối’ chính sách rất cần thiết để thúc đẩy phối hợp hợp tác giữa các địa phương hiệu quả hơn. Nhiều thành tựu kinh tế xã hội ở Việt Nam thường được cho là gắn liền với quá trình đô thị hóa sâu rộng gắn với công nghiệp hóa - hiện đại hóa (Vũ Trọng Lâm và Nguyễn Thị Diễm Hằng [27]; Ngân hàng Thế giới [20]), nhưng tất nhiên không phải không có những hạn chế nhất định. Bức tranh hệ thống đô thị ở Việt Nam có một sự tương phản rõ rệt: một hệ thống đô thị lớn, gồm chủ yếu là các đô thị nhỏ với thứ hạng thấp so với quy mô và vị thế ngày càng tăng của Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh với tư cách là các thành phố đầu tàu của đất nước (Ngân hàng Phát triển Châu Á [28]). Sự phát triển của các vùng thành phố trong tương lai dự kiến sẽ thúc đẩy sự hợp tác giữa các tỉnh, cuối cùng dẫn đến mức năng suất cao hơn, đặc biệt là ở các khu vực nghèo hơn, cùng với đó kéo theo sự phát triển của các đô thị nhỏ hơn.

Lý do thứ hai là sự ‘hợp thức hóa’ vị trí của các vùng thành phố trong hệ thống quy hoạch quốc gia. Luật Quy hoạch được Quốc hội ban hành năm 2017 với mục tiêu thống nhất, tinh gọn hệ thống quy hoạch tại Việt Nam, được điều chỉnh năm 2025 [29]. Theo đó, hệ thống quy hoạch quốc gia bao gồm: quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch cấp vùng, quy hoạch cấp tỉnh, quy hoạch khu hành chính-kinh tế đặc biệt và quy hoạch đô thị và nông thôn. Trên thực tế, luật đã xây dựng nguyên tắc thống nhất là với mỗi cấp đơn vị hành chính, có một quy hoạch tổng thể, tích hợp (căn cứ theo Điều 4 và Điều 5). Tuy vậy,

đến nay các vùng thành phố còn tồn tại ở dạng quy hoạch xây dựng theo giai đoạn trước hoặc mới có định hướng, chủ trương để hình thành và phát triển. Nghị quyết số 06 năm 2022 - được Bộ Chính trị thông qua - do đó đóng một vai trò thể chế quan trọng, hợp thức hóa các hình thái đô thị chưa được bao quát đủ trong hệ thống pháp luật Việt Nam hiện nay.

Nhưng tất nhiên, triển vọng quản trị và phát triển vùng thành phố cũng phụ thuộc vào cách các cơ chế quản trị vùng thành phố bị ảnh hưởng như thế nào. Định nghĩa về vùng đô thị Hà Nội và vùng đô thị Thành phố Hồ Chí Minh, trong mỗi lần sửa đổi (Phụ lục A), đều bị giới hạn bởi ranh giới hành chính rộng nhất của các tỉnh thuộc vùng thành phố đó. Nói cách khác, các vùng thành phố ở Việt Nam được hiểu theo nghĩa “hẹp” của “hình thức tổ chức không gian đặc trưng của nhà nước như một bộ máy thể chế riêng biệt, tập trung theo lãnh thổ, khép kín và phân biệt nội bộ” (Brenner [49, tr. 78]), vẫn là sự cộng dồn ranh giới hành chính, công tác quản trị còn mang tính ‘hình thức’ và hiện chưa được thực hiện theo tinh thần Luật Quy hoạch 2025.

Với Hiến cũng pháp được sửa đổi vào năm 2025, toàn bộ hệ thống pháp luật của Việt Nam sẽ phải được điều chỉnh phù hợp, như Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn 2024 và Luật Quản lý phát triển đô thị (dự thảo). Do vậy, vẫn còn sớm để dự đoán các cơ chế này sẽ bị ảnh hưởng như thế nào. Nhưng giả sử, nếu mọi việc diễn ra như thường lệ, *ceteris paribus*, các cơ chế không thay đổi: bốn vùng đô thị sẽ được ban hành quy hoạch vùng theo quy định, với cơ chế ‘cộng dồn’ để xác định phạm vi, ranh giới là không đổi. Vùng đô thị Hà Nội giả thiết sẽ mở rộng về phía bắc và phía nam với các tỉnh Thái Nguyên-Bắc Kạn và Hà Nam-Ninh Bình-Nam Định-Thái Bình hợp nhất (Hình 2A); đối với Vùng đô thị Thành phố Hồ Chí Minh, ranh giới hành chính giả định của vùng đô thị này sẽ mở rộng về phía Tây với việc sáp nhập hai tỉnh Tây Ninh và Đồng Tháp (Hình 2B). Diện tích tự nhiên, dân số, quy mô kinh tế và đóng góp của Vùng đô thị Hà Nội và Vùng đô thị Thành phố Hồ Chí Minh đều tăng lên so với trước sắp xếp tổ chức bộ máy.



Hình 3. Cơ cấu Hội đồng điều phối Vùng Thủ đô Hà Nội giả thiết sau sắp xếp bộ máy, sáp nhập tỉnh thành.

Nguồn: dựng hình bởi nhóm tác giả, từ Quyết định số 986/QĐ-TTg năm 2022 [25].

Ghi chú: (1) Ô viền xanh: các cơ quan thành lập mới hoặc giữ nguyên sau sắp xếp tổ chức bộ máy hành chính.

Ô viền màu đỏ: không còn tồn tại. (2) Số trong ngoặc thể hiện số cơ quan trước và sau sáp nhập.

Rõ ràng, quy mô tăng lên đặt ra thách thức quản trị một khu vực kinh tế - xã hội rộng hơn về địa lí. Mặt khác, sự sáp nhập các địa phương lại tạo ra một hội đồng điều phối vùng thành phố gọn gàng, tinh gọn hơn - thí dụ đối với Vùng đô thị Hà Nội (Hình 3) với số lượng ủy viên ít hơn nhưng mỗi ủy viên lại có tiếng nói mạnh mẽ hơn trong các vấn đề chung của vùng thành phố và giữa vùng thành phố với Trung ương. Đảng và Nhà nước Việt Nam đã bày tỏ kì vọng về việc đẩy nhanh chuyển đổi số như một phương pháp thiết yếu và then chốt để nâng cao năng lực quản trị địa phương, đặc biệt trong bối cảnh các tỉnh mới xuất hiện với quy mô và dân số mở rộng đáng kể (Hà Lê Thành Trung [31]). Đồng thời, cũng có kì vọng cao rằng thể hệ lãnh đạo tỉnh

mới - được gọi là "cán bộ cấp chiến lược" - những người sẽ tiếp tục đổi mới tư duy, mạnh dạn đối mặt với thách thức và chủ động trong việc thực hiện, từ đó nâng cao năng lực quản trị địa phương nói chung (Nguyễn Văn Hùng và Hoàng Quốc Thường [32]).

4.2. Gợi mở hướng nghiên cứu về quản trị vùng thành phố ở Việt Nam trong tương lai

Khoảng trống giữa hệ thống lý luận khoa học về vùng thành phố và công tác định hướng chính sách trên cho thấy nhu cầu cấp thiết về một hệ thống nghiên cứu khoa học sâu sắc hơn, bổ sung cơ sở cho công tác hoạch định chính sách trong bối cảnh sau tái cấu trúc bộ máy hiện nay.

Trong phạm vi nghiên cứu của bài viết, ba hướng nghiên cứu tiềm năng trong tương lai được gợi mở như sau:

Thứ nhất là, tiếp tục làm rõ cách hiểu về quản trị vùng thành phố. Số liệu từ Phụ lục B cho thấy vùng đô thị Hà Nội và vùng đô thị Thành phố Hồ Chí Minh sau sáp nhập tỉnh thành đã chiếm một diện tích kinh tế - xã hội lớn hơn cả hai vùng đồng bằng sông Hồng và Đông Nam Bộ. Hiện nay, vị thế của Vùng đồng bằng sông Hồng và ceteris paribus Vùng Đông Nam Bộ vẫn cao hơn bởi có đòn bẩy thể chế lớn hơn: đây là các vùng chính thức nằm trong hệ thống quy hoạch quốc gia, và mỗi vùng đều có quy hoạch vùng riêng trong giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Vì vậy, một sự công nhận rõ ràng về vùng thành phố nói chung, và cụ thể là cập nhật, điều chỉnh các cơ chế quản trị vùng thành phố hiện nay là cơ bản và cần thiết để thống nhất nhận thức, đẩy mạnh sự phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước, và cũng là để giảm thiểu sự lúng túng của các địa phương trong việc tham gia vào nhiều quy hoạch vùng khác nhau. Bài viết đã đưa ra một định nghĩa sơ khởi về quản trị vùng thành phố, nhưng các nghiên cứu trong tương lai cần tiếp tục làm rõ về đặc điểm quản trị vùng thành phố và mục tiêu của quản trị vùng thành phố là gì, gắn với bối cảnh thực tiễn của Việt Nam. Bên cạnh đó, một khuôn khổ thừa nhận chính thức sẽ tạo ra cơ hội và mở đường cho các chính sách phát triển khác nhau ở cấp thành phố trong tương lai.

Thứ hai là, tiến tới xác lập một bộ tiêu chí đánh giá hiệu quả đặc thù cho mô hình quản trị vùng nói chung và vùng thành phố nói riêng tại Việt Nam, dựa trên các trụ cột của quản trị tốt như tính minh bạch, trách nhiệm giải trình và sự tham gia của các bên (như đã thảo luận ở trên). Trọng tâm không chỉ nằm ở hiệu quả hành chính thuần túy mà còn phải đo lường được hiệu quả kinh tế - nhất là trong bối cảnh nước ta đang bứt phá để thoát bẫy thu nhập trung bình trong thời gian tới.

Thứ ba là, trong bối cảnh Luật Quy hoạch 2025 được ban hành, quản trị vùng thành phố cần được xem xét như một công cụ điều phối chiến lược thay vì chỉ là các thủ tục hành chính. Luật

Quy hoạch 2025 đã cởi mở, linh hoạt hơn so với năm 2017 khi quy định thêm “Chính phủ xác định các vùng cần lập quy hoạch” (Khoản 2, Điều 5). Có thể hiểu hàm ý từ điều chỉnh này là trong giai đoạn tới, mỗi vùng thành phố có thể được lập một quy hoạch cấp vùng thành phố, mà thẩm quyền nằm ở Chính phủ. Hướng nghiên cứu này cần tập trung vào việc “quản trị bằng quy hoạch”, trong đó quy hoạch vùng - theo Luật định - đóng vai trò là pháp lý quan trọng để điều tiết các xung đột lợi ích giữa các đơn vị hành chính cấp tỉnh/thành, đảm bảo sự nhất quán từ khâu lập kế hoạch đến thực thi và quản lý sau quy hoạch.

Thứ tư là, thay vì tập trung vào mô hình đơn cực truyền thống, các nghiên cứu cần mở rộng sang cấu trúc quản trị đa tâm. Còn nhiều những hình thái đô thị khác đang nhận được sự quan tâm của các nhà hoạch định chính sách hiện nay như vùng đô thị đa tâm, hay chùm các vùng đô thị nối tiếp nhau tạo nên những vùng đô thị hóa cực lớn. Đây là hướng đi phù hợp với xu thế tái định hình không gian phát triển ở nước ta trong dài hạn.

5. Kết luận

Bốn mươi năm từ Đổi Mới năm 1986, Việt Nam quyết tâm bước vào “kỷ nguyên vươn mình”, trước hết bắt đầu với cuộc cải cách hành chính quan trọng năm 2025, đánh dấu sự tái cơ cấu quan trọng và quyết liệt trong bối cảnh mới. Định hướng hình thành, phát triển và quản trị các vùng thành phố trong tương lai được kế thừa từ giai đoạn trước cho thấy đổi mới tư duy rất tiến bộ của Đảng và Nhà nước đối với các hình thái đô thị mới, chú trọng sự phát triển phải được dẫn dắt bởi các đô thị và vùng đô thị đầu tàu, có sức lan tỏa mạnh mẽ. Toàn bộ quá trình là một nỗ lực dung hòa tư duy phát triển địa phương phân mảnh với tư duy phát triển vùng và quốc gia, từng bước đảm bảo lộ trình đưa Việt Nam trở thành quốc gia có thu nhập cao.

Về cơ bản, việc sắp xếp tổ chức bộ máy hành chính năm 2025 đã kế thừa động lực và cách tiếp cận được xây dựng từ những lần cải cách trước đã được kiểm chứng: cơ sở lý luận bắt nguồn từ

sự thừa nhận thực tế rằng tăng trưởng quốc gia trong tương lai đòi hỏi không gian kinh tế mới, hệ thống phân phối nguồn lực mới, nhu cầu cần thiết phải nâng cao năng lực quản trị lãnh thổ. Triển vọng thuận lợi cho mô hình quản trị vùng thành phố bao gồm quyết tâm chính trị mạnh mẽ của trung ương, chuyển đổi số chiến lược và việc hình thành các siêu đô thị/vùng thành phố được trao quyền tự chủ hơn, tạo cơ sở hình thành thông lệ quản trị mới theo đúng tinh thần hiệu năng - hiệu lực - hiệu quả.

Trong ngắn hạn, một số thách thức với quản trị vùng thành phố nằm ở việc xây dựng và thực hiện các chính sách trên các đơn vị mới sáp nhập và giảm thiểu các gián đoạn hành chính, quản trị trong quá trình chuyển đổi. Sự bất định đáng kể nhất nằm ở cách thức các cơ chế quản trị cũ sẽ thay đổi ra sao: liệu hệ thống mới, quy mô lớn có thể khắc phục được sự phân mảnh quản trị từ lịch sử hay không, và liệu việc tinh giản hành chính có thực sự dẫn đến sự phân cấp, phân quyền tốt hơn không. Sự kém hiệu quả trong hoạt động của các thiết chế quản trị vùng thành phố trước đây cho thấy tư duy địa phương vẫn chủ đạo hơn là tư duy vùng và đây có lẽ là thách thức quan trọng nhất, kể cả khi toàn bộ hệ thống chính trị đã chuyển mình mạnh mẽ.

Tương lai của quản trị vùng thành phố tại Việt Nam không chỉ được quyết định bởi sự tinh gọn của khuôn khổ pháp lý, mà còn bởi tính thực dụng, ổn định và liên chính trong quá trình thực thi. Bài viết đã phân tích một số triển vọng và thách thức đối với quản trị vùng thành phố trong bối cảnh cải cách hành chính đương thời ở Việt Nam. Phạm vi của bài viết có thể được mở rộng ra với các hình thái đô thị khác ở Việt Nam trong thời gian tới. Chúng tôi hi vọng rằng những thảo luận của nghiên cứu tiếp tục đóng góp tiếng nói, góc nhìn học thuật hữu ích để khuyến khích sự tham gia tìm hiểu, xây dựng của cộng đồng về vùng thành phố/vùng đô thị ở Việt Nam trong tương lai./.

Lời cảm ơn

Nghiên cứu này được tài trợ bởi nhiệm vụ KH&CN mã số QG.25.91 (“Quản trị vùng thành

phố: lý luận, thực tiễn trên thế giới và gợi mở cho Việt Nam”) của Đại học Quốc gia Hà Nội.

Nhóm tác giả xin chân thành cảm ơn các phản biện ẩn danh vì những góp ý giúp hoàn thiện nội dung của bài báo này.

Tài liệu tham khảo

- [1] Central Committee of the Communist Party of Vietnam, Resolution No. 06-NQ/TW of the Politburo on Planning, Construction, Management and Sustainable Urban Development in Vietnam by 2030, with Vision to 2045, 2022, (in Vietnamese).
- [2] National Assembly of Vietnam, Resolution No. 81/2023/QH15 by the National Assembly on National Master Plan for 2021-2030 with vision to 2050, 2023 (in Vietnamese).
- [3] Vietnam Government, Resolution No. 306/NQ-CP on Adjusting the National Master Plan for the 2021-2030 Period, with Vision to 2050, 2025 (in Vietnamese).
- [4] Vietnam Prime Minister, Decision No. 891/QĐ-TTg on Approving the Urban and Rural Development Plan for the Period 2021-2030, with a Vision to 2050, 2024 (in Vietnamese).
- [5] Government News, Two-tiered Local Government: A Historic, Comprehensive, and Profoundly Constructive Reform, 2025, <https://baohinhphu.vn/chinh-quyen-dia-phuong-2-cap-cuoc-cai-cach-lich-su-toan-dien-kien-tao-sau-sac-102250514135224716.htm> (accessed on: March 15th, 2026) (in Vietnamese).
- [6] L. To, Sharp - Compact - Strong - High-performance - Efficient - Effective. Communist Review, 2024, https://www.tapchicongsan.org.vn/media-story/-/asset_publisher/V8hnp4dK3lGf/content/tinh-gon-manh-hieu-nang-hieu-luc-hieu-qua (accessed on: March 15th, 2026) (in Vietnamese).
- [7] J. W. Creswell, Research Design: Qualitative, Quantitative, and Mixed Methods Approaches, 3rd ed., Sage Publications, Thousand Oaks, Calif, 2009.
- [8] United Nations Development Programme, Governance for Sustainable Human Development: a UNDP Policy Document, United Nations Development Programme, New York, 1997.
- [9] Asian Development Bank, Governance: Sound Development Management, The Asia Development Bank, Manila, 1999.
- [10] World Bank, Governance and development: World Bank, Washington, D.C, 1992.
- [11] World Bank. A Decade of Measuring the Quality of Governance: Governance Matters 2007 - World

- [1] Wide Governance Indicators 1996 - 2006, Washington, D.C., World Bank, 2007.
- [12] A. Harding, Taking City Regions Seriously? Response to Debate on City-Regions: New Geographies of Governance, Democracy and Social Reproduction, International Journal of Urban and Regional Research, Vol. 31, 2007, pp. 443-458,
<https://doi.org/10.1111/j.1468-2427.2007.00736.x>.
- [13] A. Scott, M. Storper, Regions, Globalization, Development, Regional Studies, Vol. 37, 2003, pp. 579-593.
<https://doi.org/10.1080/0034340032000108697a>.
- [14] A. J. Scott, Globalization and the Rise of City-regions, European Planning Studies, Vol. 9, 2001, pp. 813-826.
<https://doi.org/10.1080/09654310120079788>.
- [15] A. E. G. Jonas, K. Ward, Introduction to a Debate on City-Regions: New Geographies of Governance, Democracy and Social Reproduction, International Journal of Urban and Regional Research, Vol. 31, 2007, pp. 169-178.
<https://doi.org/10.1111/j.1468-2427.2007.00711.x>.
- [16] N. S. B. Gras, An Introduction To Economic History, Harper & Brothers, New York, 1922.
- [17] J. Jacobs, Cities and the Wealth of Nations: Principles Of Economic life, Vintage Books, New York, 1984.
- [18] R. C., Kloosterman, S. Musterd, The Polycentric Urban Region: Towards a Research Agenda, Urban Studies, Vol. 38, 2001, pp. 623-633,
<https://doi.org/10.1080/00420980120035259>.
- [19] K. Ch'oe, A. Laquian, City Cluster Development: Toward an Urban-Led Development Strategy for Asia, Asian Development Bank, Mandaluyong City, Metro Manila, Philippines, 2008.
- [20] World Bank, Vietnam's Urbanization at a Crossroads, World Bank, Washington, DC, 2020.
<https://doi.org/10.1596/34761>.
- [21] F. Auriac, C. D. Vu, Villes et Organisation de L'espace du Vietbam, De L'Ambassade de France, Hà Nội, 1997.
- [22] M. Q. Nguyen, Developing the Suburbs of Hanoi Capital Center: Current Situation and Solutions, National Political Publishing House, Hanoi, 2015 (in Vietnamese)
- [23] H. D. Nguyen, Applying a Multi-criteria Analysis Method to Assess the Level of Urbanization in Order to Contribute to the Development of Urban Development Perspectives in Vietnam up to 2020, Using Hanoi as an Example, Doctoral Dissertation in Economics, Ministry of Education and Training, National Economics University, Hanoi, 2009 (in Vietnamese)
- [24] M. S. Le, The Formation and Development of Metropolitan Areas in Vietnam, Vietnam National University Publishing House, Hanoi, 2025 (in Vietnamese).
- [25] Vietnam Prime Minister, Decision No. 986/QĐ-TTg on the Establishment and Promulgation of the Regulations on the Operation of the Capital Region Coordination Council, 2022 (in Vietnamese)
- [26] Perroux F. Note Sur La Notion De Pôle De Croissance, Economie Appliquée, Vol. 08, 1955, pp. 307-320.
- [27] T. L. Vu, T. D. H. Nguyen, Urban Development in Vietnam Towards the Target to 2030, vision to 2045, Communist Review (Online) 2021,
https://www.tapchiconsan.org.vn/web/guest/tintieu-diem?p_p_id=101_INSTANCE_s5L7xhQiJeKe&p_p_lifecycle=0&p_p_state=normal&p_p_mode=view&p_p_col_id=column-1&p_p_col_count=2&p_r_p_564233524_tag=ph%C3%A1ttri%E1%BB%83n+%C4%91nC3%B4+th%E1%BB%8B+%E1%BB%9F+vi%E1%BB%87t+nam (accessed on: March 15th 2026) (in Vietnamese).
- [28] Asian Development Bank, Vietnam: Urban Sector Assessment, Strategy, and Road Map, Metro Manila, Philippines: Asian Development Bank, 2012.
- [29] National Assembly of Vietnam, Planning Law 2025 (Law No. 112/2025/QH15 Dated December 10, 2025) 2025 (in Vietnamese).
- [30] N. Brenner, New State Spaces, Oxford University Press, Oxford, 2004,
<https://doi.org/10.1093/acprof:oso/9780199270057.001.0001>.
- [31] L. T. T. Ha, Digital Transformation Meets the Requirements of Streamlining and Optimizing the Organizational Structure Within The Political System, Communist Review 2025,
<https://www.tapchiconsan.org.vn/web/guest/ngghien-cu/-/2018/1097302/chuyen-doi-so-dap-ung-yeu-cau-sap-xep%2C-tinh-gon-bo-may-trong-he-thong-chinh-tri.aspx> (accessed on: March 15th 2026) (in Vietnamese).
- [32] V. H. Nguyen, Q. T. Hoang, Promoting the Role of Strategic-level Officials in the Revolution to Streamline the Organizational Structure of the Political System, Communist Review (Online), 2025,
https://www.tapchiconsan.org.vn/web/guest/ngghien-cu/-/2018/1155902/view_content (accessed on: March 15th 2026) (in Vietnamese).
- [33] M. S. Le, Analysing City-Regions in a Vietnamese Context: An Overview of Concepts, Definitions and Development Policy Implications, VNU Journal of Science: Economics and Business, Vol. 36, 2020, pp. 52-66,
<https://doi.org/10.25073/2588-1108/vnueab.4339>.

Phụ lục A

Một số chính sách về phát triển vùng thành phố/vùng đô thị trong hệ thống chính sách ở Việt Nam được nghiên cứu tìm hiểu

STT	Tài liệu	Năm	Định nghĩa về vùng thành phố/vùng đô thị	Nội dung về quản trị và phát triển vùng thành phố/vùng đô thị
<i>Cơ quan ban hành: Đảng Cộng sản Việt Nam</i>				
1	Nghị quyết số 06-NQ/TW của Bộ Chính trị về Quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045	2022	Không có	Sáu nhóm nhiệm vụ lớn, trong đó một số nhiệm vụ về vùng đô thị/vùng thành phố ở ba trong sáu nhóm
<i>Cơ quan ban hành: Quốc hội</i>				
2	Luật Xây dựng	2003	Không có	Không có
3	Luật Quy hoạch đô thị	2009	Không có	Không có
4	Luật Thủ đô	2012	Phạm vi, ranh giới Vùng Thủ đô gồm Hà Nội và một số tỉnh do Chính phủ quyết định	Định hướng chung cho phát triển Vùng Thủ đô ở một số lĩnh vực: quy hoạch, hạ tầng, giao thông, dân số và quản trị
5	Luật Xây dựng (sửa đổi)	2014	Không có	Không có
6	Luật Tổ chức chính quyền địa phương	2015	Không có	Không có
7	Nghị quyết số 1210 về Phân loại đô thị	2016	Không có	Không có
8	Nghị quyết số 1211 về Tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại hành chính	2016	Không có	Không có
9	Luật Quy hoạch	2025	Không có	Không có
10	Nghị quyết số 27 về Tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại hành chính (sửa đổi Nghị quyết số 1210)	2022	Không có	Không có
11	Quy hoạch tổng thể quốc gia giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050	2023	Không có	Định hướng hình thành và phát triển bốn vùng đô thị lớn trong tương lai
12	Luật Thủ đô (sửa đổi)	2024	Phạm vi, ranh giới Vùng Thủ đô gồm Hà Nội và một số tỉnh do Chính phủ Quyết định	Chú trọng định hướng vào liên kết và quản trị Vùng Thủ đô
<i>Cơ quan ban hành: Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ</i>				
13	Nghị định số 72 về Phân loại đô thị	2001	Không có	Không có
14	Quyết định số 490 về Quy hoạch xây dựng Vùng Thủ đô Hà Nội	2008	Xác định phạm vi, ranh giới Vùng Thủ đô Hà Nội	Định hướng phát triển chung, có cơ chế quản trị vùng thành phố
15	Quyết định số 589 về Quy hoạch xây dựng Vùng Thành phố Hồ Chí Minh	2008	Xác định phạm vi, ranh giới Vùng Thành phố Hồ Chí Minh	Định hướng phát triển chung

STT	Tài liệu	Năm	Định nghĩa về vùng thành phố/vùng đô thị	Nội dung về quản trị và phát triển vùng thành phố/vùng đô thị
16	Nghị định 42 về Phân loại đô thị (sửa đổi)	2009	Không có	Không có
17	Quyết định số 445 về Quy hoạch tổng thể hệ thống đô thị Việt Nam đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2050	2009	Không có	Không có
18	Quyết định 1758 phê duyệt nhiệm vụ điều chỉnh Quy hoạch xây dựng Vùng Thủ đô Hà Nội	2012	Mở rộng phạm vi, ranh giới Vùng Thủ đô Hà Nội	Định hướng phát triển chung, có cơ chế quản trị vùng thành phố
19	Quyết định 1065 phê duyệt nhiệm vụ điều chỉnh Quy hoạch xây dựng Vùng Thành phố Hồ Chí Minh	2014	Xác định phạm vi, ranh giới Vùng Thành phố Hồ Chí Minh (không thay đổi)	Định hướng phát triển chung
20	Nghị định 44 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng	2015	Xác định “vùng đô thị lớn” là một vùng liên tỉnh	Không có
21	Nghị định 768 điều chỉnh quy hoạch xây dựng Vùng Thủ đô Hà Nội	2016	Mở rộng phạm vi, ranh giới Vùng Thủ đô Hà Nội	Định hướng phát triển chung, có cơ chế quản trị vùng thành phố
22	Quyết định 2076 điều chỉnh quy hoạch xây dựng Vùng Thành phố Hồ Chí Minh	2017	Xác định phạm vi, ranh giới Vùng Thành phố Hồ Chí Minh (không thay đổi)	Định hướng phát triển chung
23	Quyết định 891 về Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến 2050	2024	Không có	Định hướng hình thành và phát triển bốn vùng đô thị lớn trong tương lai

Nguồn: Tổng hợp bởi nhóm tác giả, kế thừa và cập nhật từ nghiên cứu của Lê Minh Sơn [33].

Phụ lục B

So sánh các vùng và vùng thành phố: diện tích tự nhiên, quy mô dân số và quy mô kinh tế năm 2024

TRƯỚC SÁP NHẬP CÁC ĐỊA PHƯƠNG							
	Số địa phương	Diện tích (km ²)	Dân số (nghìn người)	GRDP (nghìn tỉ đồng)	Tỉ trọng trong nền kinh tế quốc gia		
					Diện tích	Dân số	GRDP
Vùng đô thị Hà Nội	12	32.157	24.967	3.345,2	9,7%	24,6%	31,8%
Vùng đồng bằng sông Hồng	11	21.279	24.016	3.148,3	6,4%	23,7%	29,9%
Vùng đô thị TP. Hồ Chí Minh	8	30.603	22.792	3.488,2	9,2%	22,5%	33,1%
Vùng Đông Nam Bộ	6	23.552	19.239	3.195,2	7,1%	19,0%	30,3%
Cả nước	63	331.338	101.344	10.530,3			
SAU SÁP NHẬP CÁC ĐỊA PHƯƠNG							
	Số địa phương	Diện tích (km ²)	Dân số (nghìn người)	GRDP (nghìn tỉ đồng)	Tỉ trọng trong nền kinh tế quốc gia		
					Diện tích	Dân số	GRDP
Vùng đô thị Hà Nội (giả thiết)	8	41.675	30.111	3.670,1	12,6%	29,7%	34,8%
Vùng đồng bằng sông Hồng	6	25.869	24.910	3.211,8	7,8%	24,6%	30,5%
Vùng đô thị TP. Hồ Chí Minh (giả thiết)	4	33.985	24.393	3.598,1	10,3%	24,1%	34,2%
Vùng Đông Nam Bộ	3	28.046	20.996	3.364,8	8,5%	20,7%	31,9%
Cả nước	34	331.338	101.344	10.530,3			

Nguồn: Tổng hợp từ website của Cục Thống kê, tính toán và tổng hợp của nhóm tác giả.